

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500
một số tuyến đường trên địa bàn thành phố Quy Nhơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

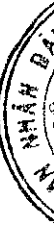
Căn cứ Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 về Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh ban hành quy định về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý thực hiện quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 35/2020/QĐ-UBND ngày 15/6/2020 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý thực hiện quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1674/QĐ-UBND ngày 06/5/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 các phường Nội thành, thành phố Quy Nhơn; Quyết định số 535/QĐ-UBND ngày 21/2/2022 của UBND tỉnh Bình Định về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 12 phường nội thành thành phố Quy Nhơn;



Căn cứ Tờ trình số 33/TTr-SXD ngày 21/2/2022 của Sở Xây dựng về việc phê duyệt nội dung đồ án Điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 12 phường nội thành thành phố Quy Nhơn;

Căn cứ Văn bản số 1763/UBND-ĐT ngày 30/6/2021 của UBND thành phố Quy Nhơn về việc lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 một số tuyến đường trên địa bàn thành phố Quy Nhơn;

Căn cứ Thông báo số 519/UBND-ĐT ngày 24/8/2021 của UBND thành phố Quy Nhơn về kết luận của Chủ tịch UBND thành phố tại cuộc họp nghe báo cáo phương án quy hoạch chi tiết 1/500 một số tuyến đường trên địa bàn thành phố Quy Nhơn;

Căn cứ Kết luận số 70-KL/TU ngày 08/11/2021 của Thành ủy Quy Nhơn về kết luận của Ban Thường vụ Thành ủy (Khóa XIV) tại Hội nghị lần thứ 29;

Theo đề nghị của Phòng Quản lý đô thị tại Tờ trình số /TTr-QLĐT ngày /03/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 một số tuyến đường trên địa bàn thành phố Quy Nhơn

2. Vị trí, phạm vi ranh giới: Thuộc phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn.
Tổng diện tích quy hoạch 4,98ha.

3. Tính chất và mục tiêu quy hoạch xây dựng

- Cụ thể hóa đồ chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 12 phường nội thành thành phố Quy Nhơn.

- Xác định lộ giới, tim tuyến, bề rộng mặt đường và vỉa hè các tuyến đường Bạch Đằng, Lê Văn Hữu, Trần Bình Trọng, đường 31 tháng 3, Đinh Bộ Lĩnh, Hàm Tử thuộc phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn.

- Làm cơ sở pháp lý trong công tác đầu tư xây dựng, quản lý quy hoạch xây dựng, quản lý đất đai.

4. Quy hoạch sử dụng đất:

BẢNG CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT		
Stt	Tuyến đường	Diện tích (ha)
1	Tuyến đường Bạch Đằng (Đoạn từ Lê Lợi đến Phan Chu Trinh)	1,74
2	Tuyến đường Bộ Lĩnh (Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo – đường Lê Văn Hữu)	0,55
3	Tuyến đường Hàm Tử (Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo	0,44

	- cầu Hàm Tử)	
4	Tuyến đường Lê Văn Hưu (đoạn từ đường Lê Lợi đến dự án kè khu vực 10)	1,82
5	Tuyến đường 31 tháng 3 (Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo – Bạch Đằng)	0,26
6	Tuyến đường Trần Bình Trọng (Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo – Bạch Đằng)	0,17
Tổng cộng		4,98

5. Các chỉ tiêu quy hoạch – kiến trúc:

- Chỉ giới xây dựng: Trùng với chỉ giới đường đỏ
- Theo quy định tại QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

6. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

a) **San nền:** Cao độ san nền giữ lại theo cao độ hiện trạng,

b) **Giao thông**

- Đường Bạch Đằng (đoạn từ Lê Lợi đến Phan Chu Trinh): Lộ giới 10m (1,8-6,4-1,8)m, riêng đoạn giáp đường Lê Lợi có lộ giới khoảng 13m.

- Đường Hàm Tử (đoạn từ Trần Hưng Đạo đến cầu Hàm Tử): Lộ giới 11m (2-7-2)m.

- Đường 31 tháng 3 (đoạn từ Trần Hưng Đạo đến Bạch Đằng): Giữ nguyên hiện trạng từ 3,5m đến 5m.

- Đường Trần Bình Trọng (đoạn từ Trần Hưng Đạo đến Bạch Đằng): Giữ nguyên hiện trạng từ 3,5 đến 4,5m.

- Đường Đinh Bộ Lĩnh (đoạn từ Trần Hưng Đạo đến Lê Văn Hưu):

+ Đoạn từ Trần Hưng Đạo đến hẻm 17 Đinh Bộ Lĩnh: Lộ giới 10,5m (2-7-1,5)m.

+ Đoạn từ hẻm 17 Đinh Bộ Lĩnh đến Lê Văn Hưu: Lộ giới 4m.

- Đường Lê Văn Hưu (đoạn từ đường Lê Lợi đến dự án kè khu vực 10): Giữ nguyên hiện trạng từ 5m đến 6m.

c) **Thoát nước**

Hệ thống thoát nước sử dụng hệ thống thoát nước hiện trạng (cống hiện trạng nằm dưới lòng đường, thu gom nước mưa, nước thải, đầu nối vào cống thoát nước chung của thành phố. Tại các vị trí thấp cục bộ, bố trí bổ sung các hố thu nước mưa đầu nối vào tuyến cống chính.

d) Cấp nước: Hiện trạng hệ thống cấp nước đảm bảo cấp cho các hộ gia đình, do đó quy hoạch giữ lại hệ thống cấp nước hiện trạng.

e) Cấp điện: Hướng tuyến cấp điện giữ theo hiện trạng, quy hoạch di dời đường dây 22kv và đường dây 0,4kv lên trên vỉa hè quy hoạch mới.

f) Vệ sinh môi trường: Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý theo quy định.

7. Chi phí lập quy hoạch: 291.550.000 đồng (làm tròn), (*Bằng chữ: Hai trăm chín mươi một triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng*).

Trong đó:

- Chi phí lập Nhiệm vụ quy hoạch	36.639.900	đồng
- Chi phí khảo sát địa hình	66.848.000	đồng
- Chi phí thiết kế quy hoạch sau thu	142.042.186	đồng
- Chi phí thẩm định Nhiệm vụ quy hoạch	15.882.899	đồng
- Chi phí thẩm định đồ án quy hoạch	6.661.800	đồng
- Chi phí quản lý lập quy hoạch	13.687.702	đồng
- Chi phí lấy ý kiến cộng đồng	2.582.585	đồng
- Chi phí công bố quy hoạch	3.873.878	đồng
- Chi phí đưa mốc giới ra thực địa (tạm tính)	3.330.900	đồng

(Chi phí cắm mốc giới theo QH: Lập hồ sơ riêng theo Thông tư số 10/2016/TT-BXD ngày 15/3/2016 của Bộ Xây dựng).

Nguồn vốn: Vốn ngân sách Nhà nước.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

Quyết định này làm căn cứ để quản lý quy hoạch, quản lý đất đai, quản lý đầu tư xây dựng và các việc khác có liên quan theo đúng quy định của Nhà nước

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND&UBND thành phố, Trưởng các phòng Quản lý đô thị, Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường, chủ tịch UBND phường Hải Cảng và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- CT các PCT UBND TP;
- Sở xây dựng (báo cáo);
- VP (CVP + C₆);
- Lưu: VT (12b).

[Handwritten signatures]



CHỦ TỊCH

Ngô Hoàng Nam